

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

kèm theo
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI
Địa chỉ: 296 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại: (08) 3517 1936 Fax: (08) 3517 1935

Tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

MỤC LỤC

Trang

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

01 - 02

BÁO CÁO KIỂM TOÁN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

03 - 04

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2014

05 - 07

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014

08

Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu năm 2014

09

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2014

10 - 11

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

12 - 33

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Thành lập: Giấy phép số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006 và các giấy phép điều chỉnh sau này

Vốn điều lệ: 58.619.400.000 đồng Việt Nam

Hoạt động chính trong năm: Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán; Lưu ký chứng khoán

Trụ sở chính: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Chủ tịch
Ông Lê Như Hùng	Phó chủ tịch
Ông Lê Văn Cường	Thành viên
Bà Trương Thị Minh Thọ	Thành viên
Ông Lê Đức Thắng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quốc Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Cường	Giám đốc khối Tư vấn tài chính doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Giáng Hương	Giám đốc khối Tài chính Kế toán – Hành chính nhân sự
Bà Trương Thị Minh Thọ	Giám đốc khối Kinh doanh chứng khoán
Ông Võ Thanh Hải	Giám đốc khối Công nghệ thông tin

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Địa chỉ: Số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 4666 Fax: (04) 3933 4668

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

Ban kiểm soát

Ông Lê Thành Trung	Trưởng ban
Bà Nguyễn Đăng Bảo Linh	Thành viên
Bà Đỗ Bích Ngọc	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác kiểm toán các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, nguồn vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN & KẾ TOÁN HÀ NỘI - CN TP.HCM

296 Phan Xích Long, P.2, Q.Phú Nhuận, TP.HCM

Tel: (848) 3517.1936 - Fax: (848) 3517.1935

Email: info.hcm@cpahanoi.com - www.cpahanoi.com

Số tham chiếu: 15-2-0008/BCKT-BCTC-CPAHANOI-CNHCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (“Công ty”), bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và Bản thuyết minh báo cáo tài chính, được lập ngày 19 tháng 03 năm 2015, từ trang 05 đến trang 33.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 6 về khoản đầu tư vào chứng khoán chưa niêm yết trị giá 15.568.770.000 đồng vượt quá 20% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 (vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 31/12/2014 là 49.478.318.053 đồng). Công ty có cam kết sẽ giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức theo quy định.

Ngoài ra, khoản lỗ lũy kế của Công ty tính đến 31 tháng 12 năm 2014 là 11.729.825.134 đồng, chiếm tỷ lệ 19,16% vốn chủ sở hữu.

Báo cáo kiểm toán được lập thành 07 (bảy) bản, các bản có giá trị pháp lý như nhau. Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha giữ 06 (sáu) bản, chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giữ 01 (một) bản.

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán & Kế toán Hà Nội



Nguyễn Ngọc Tĩnh – Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN: 0132-2013-016-1
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 03 năm 2015


Tô Quang Tùng – Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN: 0270-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>TÀI SẢN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	100		53.895.322.627	62.831.582.368
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	13.311.902.379	19.486.550.086
1. Tiền	111		13.311.902.379	18.486.550.086
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	17.584.678.900	26.747.264.200
1. Đầu tư ngắn hạn khác	121		22.106.702.685	31.797.589.068
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.522.023.785)	(5.050.324.868)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		22.977.872.913	16.527.155.030
1. Phải thu khách hàng	131	7	20.447.850.120	16.511.656.555
2. Trả trước cho người bán	132	7	2.606.972.000	30.800.000
3. Phải thu khác	138	7	12.519.031	522.782.808
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	(89.468.238)	(538.084.333)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		20.868.435	70.613.052
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	34.611.112
2. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154	14a	20.868.435	36.001.940
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.343.807.882	7.683.344.967
I. Tài sản cố định	220		589.379.117	1.451.667.753
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	473.056.536	1.229.686.656
- Nguyên giá	222		6.433.218.835	6.433.218.835
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.960.162.299)	(5.203.532.179)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	116.322.581	221.981.097
- Nguyên giá	228		1.385.162.000	1.385.162.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.268.839.419)	(1.163.180.903)
II. Tài sản dài hạn khác	260		5.754.428.765	6.231.677.214
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	71.523.644	632.730.550
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		4.050.378.341	4.050.378.341
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	11	1.546.184.650	1.462.226.193
4. Tài sản dài hạn khác	268	12	86.342.130	86.342.130
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		60.239.130.509	70.514.927.335

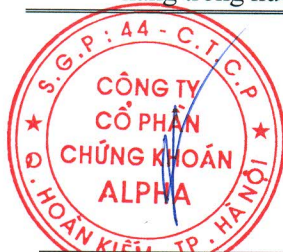
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>NGUỒN VỐN</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		10.760.812.456	22.037.662.887
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>10.760.812.456</i>	<i>22.037.662.887</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	-	2.229.000.000
2. Phải trả người bán	312		131.193.985	502.740.091
3. Người mua trả tiền trước	313		187.500.000	240.750.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14b	25.425.094	4.995.791
5. Chi phí phải trả	316	15	215.120.439	462.538.101
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	10.176.580.814	18.572.646.780
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		24.992.124	24.992.124
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.478.318.053	48.477.264.448
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>		<i>49.478.318.053</i>	<i>48.477.264.448</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	58.619.400.000	58.619.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.779.850.000	1.779.850.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		808.893.187	808.893.187
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(11.729.825.134)	(12.730.878.739)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		60.239.130.509	70.514.927.335

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
1. Chứng khoán lưu ký	006		337.257.690.000	331.008.800.000
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		328.770.900.000	309.974.290.000
1.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		328.693.530.000	309.898.840.000
1.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		77.370.000	75.450.000
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		1.699.870.000	2.069.370.000
1.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014		1.699.870.000	2.069.370.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	027		5.248.200.000	18.785.700.000
1.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029		5.248.200.000	18.785.700.000
1.4. Chứng khoán chờ giao dịch	037		1.538.720.000	179.440.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		1.538.720.000	179.180.000
1.4.1. Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng nước ngoài	040		-	260.000
2. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		17.808.340.000	14.294.370.000
2.1. Chứng khoán giao dịch	051		17.723.340.000	14.244.370.000
2.1.1. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		17.722.340.000	14.243.370.000
2.1.2. Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	054		1.000.000	1.000.000
2.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	056		85.000.000	-
2.2.1. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	058		85.000.000	-
2.3. Chứng khoán chờ thanh toán	071		-	50.000.000
2.3.1. Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	073		-	50.000.000



Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc
 Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Vũ Thúy Anh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân
 Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
1. Doanh thu	01		14.239.595.351	8.088.542.700
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		9.146.576.527	4.025.616.350
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		156.148.600	82.027.600
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	-
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		-	-
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		773.636.363	726.818.182
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		129.148.168	76.007.387
- Doanh thu hoạt động uỷ thác đầu giá	01.7		-	-
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		-	-
- Doanh thu khác	01.9	18	4.034.085.693	3.178.073.181
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		14.239.595.351	8.088.542.700
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	19	7.897.598.210	6.012.712.067
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		6.341.997.141	2.075.830.633
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	5.340.943.536	5.821.917.316
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.001.053.605	(3.746.086.683)
8. Thu nhập khác	31		-	3.000.000
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		-	3.000.000
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.001.053.605	(3.743.086.683)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.001.053.605	(3.743.086.683)
15. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	22	171	(639)



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

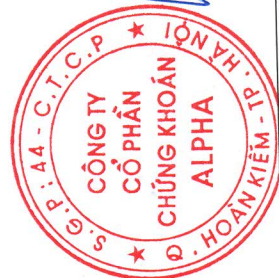
Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Số đầu năm		Số tăng/(giảm)				Số cuối năm	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
	VND	VND	Tăng	(Giảm)	Tăng	(Giảm)	VND	VND
Vốn đầu tư								
1 của chủ sở hữu	58.619.400.000	58.619.400.000	-	-	-	-	58.619.400.000	58.619.400.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	1.779.850.000	1.779.850.000	-	-	-	-	1.779.850.000	1.779.850.000
3 Quỹ Dự phòng tài chính	808.893.187	808.893.187	-	-	-	-	808.893.187	808.893.187
4 LN chưa phân phối	(8.987.792.056)	(12.730.878.739)	-	(3.743.086.683)	1.001.053.605	-	(12.730.878.739)	(11.729.825.134)
Cộng	52.220.351.131	48.477.264.448	-	(3.743.086.683)	1.001.053.605	-	48.477.264.448	49.478.318.053



Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc

Chức
Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng

nh
Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		4.426.277.443	2.144.508.000
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(2.446.536.598)	(2.983.778.020)
3. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		549.388.225.139	372.407.211.587
4. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(535.530.128.408)	(395.056.641.977)
5. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(6.496.016.667)	(5.285.095.706)
6. Tiền chi trả cho người lao động	11		(4.201.633.704)	(4.392.383.337)
7. Tiền chi trả lãi vay	12		(889.271.404)	(17.793.111)
8. Tiền thu khác	14		38.969.013.909	36.124.693.515
9. Tiền chi khác	15		(51.545.697.222)	(6.170.513.802)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		<i>(8.325.767.512)</i>	<i>(3.229.792.851)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(140.000.000)
2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		4.837.720.000	5.347.035.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		542.399.805	758.002.220
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		<i>5.380.119.805</i>	<i>5.965.037.220</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 (theo phương pháp trực tiếp)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		74.410.000.000	9.150.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(77.639.000.000)	(15.321.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<i>(3.229.000.000)</i>	<i>(6.171.000.000)</i>
 Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		 (6.174.647.707)	 (3.435.755.631)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	19.486.550.086	22.922.305.717
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	13.311.902.379	19.486.550.086



Nguyễn Quốc Hùng
 Tổng Giám đốc

Vũ Thủy Anh
 Kế toán trưởng

Nguyễn Hoài Vân
 Người lập biểu

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo:

- Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103015116 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2006 và sửa đổi lần 1 vào ngày 22 tháng 12 năm 2006;
- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 28 tháng 12 năm 2006;
- Quyết định số 64/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 21 tháng 08 năm 2007 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty;
- Quyết định số 133/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 18 tháng 06 năm 2008 về việc tăng vốn điều lệ của Công ty;
- Giấy phép số 211/UBCK-GP của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ngày 16 tháng 03 năm 2009 về việc điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số 44/UBCK-GPHĐKD được rút bớt nghiệp vụ tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính tại số 2, Phạm Ngũ Lão, Phường Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Vốn cổ phần: 58.619.400.000 đồng.

Hoạt động kinh doanh chính trong năm: Môi giới chứng khoán. Tư vấn đầu tư chứng khoán. Lưu ký chứng khoán.

Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 33 người, trong đó 15 người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán.

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán và lập báo cáo tài chính bằng đồng Việt Nam (VND).

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và thực hiện trên phần mềm kế toán trên máy vi tính.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán theo:

- Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp;
- Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn, kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán;
- Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

2. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ TUYÊN BỐ TUÂN THỦ (tiếp theo)

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Công ty Chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin trình bày trong Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 21 “Trình bày Báo cáo tài chính”.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán. Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý trong kỳ.

Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá vốn chứng khoán tự doanh được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Đầu tư tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM) là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng;
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá 1 tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng;
- Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc đình chỉ giao dịch, bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính khác được lập cho từng khoản đầu tư căn cứ vào ước tính khả năng thu hồi của từng khoản đầu tư tài chính so với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư tài chính này.

Tăng hoặc giảm số dư khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí tài chính trong kỳ.

Tài sản cố định và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian ước tính hữu ích của tài sản như sau:

Máy móc thiết bị	3	-	8	năm
Phương tiện vận tải			5	năm
Tài sản cố định khác	3	-	8	năm
Phần mềm máy tính			3	năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí chờ phân bổ

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn để phân bổ đều vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 36 tháng:

- Chi phí thuê văn phòng;
- Chi phí thuê biển hiệu quảng cáo;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí chờ phân bổ khác.

Phải trả và trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn (hoặc nhỏ hơn) giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận được ghi nhận là số lãi/(lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành. Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận và điều chỉnh hồi tố do những thay đổi về chính sách kế toán hay sai sót của các năm trước và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam như sau:

<i>Các quỹ</i>	<i>Mức trích lập từ lợi nhuận sau thuế</i>	<i>Mức trích lập tối đa</i>
Quỹ Dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5%	10% vốn điều lệ
Quỹ Dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	5%	10% vốn điều lệ

Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn tất hoặc dựa trên các điều khoản của hợp đồng cung cấp dịch vụ.

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi

Thu nhập từ hoạt động góp vốn đầu tư chứng khoán và lãi tiền gửi được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi thu nhập từ hoạt động góp vốn và tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu (tiếp theo)

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các công cụ tài chính được niêm yết và chưa niêm yết.

Nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như ban Tổng giám đốc, hội đồng quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Tiền mặt	631.965.213	189.745.377
Tiền gửi ngân hàng	12.679.937.166	18.296.804.709
<i>Trong đó: Tiền ký quỹ của nhà đầu tư</i>	<i>9.424.897.405</i>	<i>18.041.542.014</i>
Tương đương tiền	-	1.000.000.000
Cộng	13.311.902.379	19.486.550.086

5. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm VND</i>
a) Cửa công ty chứng khoán	72.960	946.720.000
- Cổ phiếu	72.960	946.720.000
b) Cửa nhà đầu tư	327.312.429	3.378.850.345.800
- Cổ phiếu	327.312.429	3.378.850.345.800
Cộng	327.385.389	3.379.797.065.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a. Tình hình đầu tư tài chính

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
I. Chứng khoán thương mại	19.839.807.685	24.516.374.068
- Cổ phiếu niêm yết	4.271.037.685	4.761.044.068
- Cổ phiếu chưa niêm yết (*)	15.568.770.000	19.755.330.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác (**)	2.266.895.000	7.281.215.000
III. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(4.522.023.785)	(5.050.324.868)
- Cổ phiếu niêm yết	(3.485.940.285)	(3.741.838.368)
- Cổ phiếu chưa niêm yết	-	-
- Đầu tư ngắn hạn khác	(1.036.083.500)	(1.308.486.500)
Cộng	17.584.678.900	26.747.264.200

Trong đó:

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro	6.537.932.685	12.042.259.068
Khoản đầu tư không bị giảm giá/ rủi ro	15.568.770.000	19.755.330.000
Cộng	22.106.702.685	31.797.589.068

(*) Khoản đầu tư chiếm 31,47% vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014. Công ty đang tìm đối tác nhận chuyển nhượng khoản đầu tư để giảm tỷ lệ đầu tư về đúng hạn mức quy định.

(**) Khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản đầu tư theo hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán. Công ty đang trong quá trình tất toán các khoản đầu tư này.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P. Phan Chu Trinh, Q. Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội
Điện thoại: (04) 3933 3666 Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (tiếp theo)**b. Tình hình tăng giảm các khoản đầu tư bị giảm giá/ rủi ro**

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán (VND)		So với giá thị trường (VND)				Tổng giá trị theo giá thị trường (VND)	
	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ	Tăng		Giảm		Cuối kỳ	Đầu kỳ
					Cuối kỳ	Đầu kỳ	Cuối kỳ	Đầu kỳ		
I. Chứng khoán thương mại	80.088	124.588	4.271.037.685	4.761.044.068	-	-	(3.485.940.285)	(3.741.838.368)	785.097.400	1.019.205.700
1. Cổ phiếu niêm yết	80.088	124.588	4.271.037.685	4.761.044.068	-	-	(3.485.940.285)	(3.741.838.368)	785.097.400	1.019.205.700
ANV	80.000	80.000	4.269.382.040	4.269.382.040	-	-	(3.485.382.040)	(3.589.382.040)	784.000.000	680.000.000
NBC	83	11.583	1.313.617	183.320.000	-	-	(375.717)	(68.648.300)	937.900	114.671.700
SHB	-	33.000	-	308.000.000	-	-	-	(83.600.000)	-	224.400.000
VCB	5	5	342.028	342.028	-	-	(182.528)	(208.028)	159.500	134.000
II. Đầu tư ngắn hạn khác			1.769.430.000	1.965.350.000	-	-	(1.036.083.500)	(1.308.486.500)	733.346.500	566.363.500
Cộng	80.088	124.588	6.040.467.685	6.726.394.068	-	-	(4.522.023.785)	(5.050.324.868)	1.518.443.900	1.585.569.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHÚNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Chỉ tiêu	Số đầu năm (VND)		Số phát sinh trong năm (VND)		Số cuối năm (VND)		Số dự phòng đã lập (VND)
	Tổng số	Số quá hạn	Tăng	(Giảm)	Tổng số	Số quá hạn	
- Phải thu của khách hàng	16.511.656.555	31.500.000	1.407.531.473.494	(1.403.595.279.929)	20.447.850.120	147.436.476	89.468.238
- Trả trước cho người bán	30.800.000	-	2.576.172.000	-	2.606.972.000	-	-
+ Ngắn hạn	30.800.000	-	2.576.172.000	-	2.606.972.000	-	-
+ Dài hạn	-	-	-	-	-	-	-
- Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	291.107.504	(291.107.504)	-	-	-
- Phải thu khác	522.782.808	507.784.333	2.920.920.344	(3.431.184.121)	12.519.031	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Máy móc, thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</i>	<i>TSCĐ khác</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Số dư cuối năm	4.080.408.872	820.737.000	1.532.072.963	6.433.218.835
Hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	3.122.471.879	820.737.000	1.260.323.300	5.203.532.179
Khấu hao trong năm	542.327.832	-	214.302.288	756.630.120
Số dư năm	3.664.799.711	820.737.000	1.474.625.588	5.960.162.299
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	957.936.993	-	271.749.663	1.229.686.656
Số dư cuối năm	415.609.161	-	57.447.375	473.056.536

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 2.308.757.782 đồng.

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Phần mềm máy tính</i>
	<i>VND</i>
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.385.162.000
Số dư cuối năm	1.385.162.000
Hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.163.180.903
Khấu hao trong năm	105.658.516
Số dư năm	1.268.839.419
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	221.981.097
Số dư cuối năm	116.322.581

Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.167.662.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo văn phòng HCM (*)	-	522.824.784
Chi phí chờ phân bổ khác	71.523.644	109.905.766
Cộng	71.523.644	632.730.550

(*) Khoản tiền thuê văn phòng, biển hiệu quảng cáo của văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh phát sinh trong khoảng thời gian trước khi chi nhánh chính thức đi vào hoạt động.

11. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	895.318.648	895.318.648
Tiền lãi phân bổ trong kỳ	530.866.002	446.907.545
Cộng	1.546.184.650	1.462.226.193

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Đặt cọc thuê văn phòng	76.342.130	76.342.130
Ký quỹ mở thẻ taxi	10.000.000	10.000.000
Cộng	86.342.130	86.342.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Số vay trong năm</i>	<i>Số trả trong năm</i>	<i>Số dư cuối năm</i>
		<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Vay ngân hàng	10% - 14,2%/năm	900.000.000	-	(900.000.000)	-
Vay đối tượng khác	12%-15%/năm	1.329.000.000	77.410.000.000	(78.739.000.000)	-
Cộng		2.229.000.000	77.410.000.000	(79.639.000.000)	-

Các khoản vay được dùng để bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 3 tháng.

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

a. Thuế nộp thừa

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế TNDN nộp thừa	20.868.435	20.868.435
Thuế TNCN nộp thừa	-	15.133.505
Cộng	20.868.435	36.001.940

b. Thuế phải nộp

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thuế giá trị gia tăng	19.587.634	4.995.791
Thuế thu nhập cá nhân	2.177.460	-
Các loại thuế khác	3.660.000	-
Cộng	25.425.094	4.995.791

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Chi phí lãi vay	-	279.066.666
Lãi trả nhà đầu tư	8.765.073	27.079.058
Chi phí hoạt động	141.355.366	121.392.377
Chi phí phải trả khác	65.000.000	35.000.000
Cộng	215.120.439	462.538.101

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Số cuối năm</i> <i>VND</i>	<i>Số đầu năm</i> <i>VND</i>
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư trong nước	9.235.561.259	17.786.669.384
Tiền ký quỹ của nhà đầu tư nước ngoài	189.309.791	152.309.791
Các khoản phải trả, phải nộp khác	751.709.764	633.667.605
Cộng	10.176.580.814	18.572.646.780

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu (%)</i>	<i>Số cuối năm VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Công ty TNHH CNTT và TT Tân Thanh Hoa	1,96	1.150.000.000	1.150.000.000
Ông Lê Thành Trung	9,81	5.750.000.000	5.750.000.000
Bà Vũ Thúy Anh	9,26	5.428.000.000	5.428.000.000
Cổ đông khác	78,97	46.291.400.000	46.291.400.000
Cộng	100,00	58.619.400.000	58.619.400.000

b. Cổ phiếu

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	5.861.940	5.861.940
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.861.940	5.861.940
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.861.940</i>	<i>5.861.940</i>

Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng/cổ phiếu.

18. DOANH THU KHÁC

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lãi tiền gửi	176.799.754	330.571.754
Doanh thu hoạt động ký quỹ	936.541.124	1.082.067.288
Doanh thu khác	2.920.744.815	1.765.434.139
Cộng	4.034.085.693	3.178.073.181

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí môi giới kinh doanh	1.013.265.847	431.590.911
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.306.566.383	1.641.316.992
Chi phí hoạt động tư vấn	31.818.182	-
Chi phí lưu ký chứng khoán	182.879.220	207.248.965
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng)	(528.301.083)	(1.943.760.892)
Chi phí khác	5.891.369.661	5.676.316.091
Cộng	7.897.598.210	6.012.712.067

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay</i> <i>VND</i>	<i>Năm trước</i> <i>VND</i>
Chi phí nhân viên	2.875.365.443	3.137.549.938
Chi phí vật liệu quản lý	103.750.500	69.728.276
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	64.258.796	45.584.476
Chi phí khấu hao TSCĐ	244.125.540	274.147.755
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng/ (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi, phải trả	(221.616.095)	506.584.333
Chi phí dịch vụ mua ngoài	977.222.993	1.195.591.308
Chi phí bằng tiền khác	1.294.836.359	589.731.230
Cộng	5.340.943.536	5.821.917.316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được.

a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

<i>Chỉ tiêu</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Tổng lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế (1)	1.001.053.605	(3.743.086.683)
<i>Điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận/(lỗ) theo kế toán</i>		
- Điều chỉnh tăng (2)	785.255.265	-
- (Điều chỉnh giảm) (3)	(72.148.600)	(82.027.600)
Thu nhập chịu thuế (4) = (1) + (2) + (3)	1.714.160.270	(3.825.114.283)
Chuyển lỗ kỳ trước (5)	(1.714.160.270)	-
Thu nhập tính thuế (6) = (4) + (5)	-	-
Thuế suất (7)	20%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành (8) = (6) * (7)	-	-

b. Tình hình quyết toán thuế TNDN

Từ khi thành lập đến nay, cơ quan thuế chưa kiểm tra quyết toán thuế TNDN của Công ty.

22. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay VND</i>	<i>Năm trước VND</i>
Lợi nhuận kế toán sau thuế (1)	1.001.053.605	(3.743.086.683)
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông hiện hữu (2)	-	-
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ phiếu phổ thông (3)=(1)+(2)	1.001.053.605	(3.743.086.683)
Số cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (4)	5.861.940	5.861.940
Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (5)=(3)/(4)	171	(639)

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN ALPHA

Số 2 Phạm Ngũ Lão, P.Phạm Chu Trinh, Q.Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: (04) 3933 3666

Fax: (04) 3933 4668

Báo cáo tài chính cho năm tài chính
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý			
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính								
Đầu tư ngắn hạn khác	22.106.702.685	4.522.023.785	31.797.589.068	5.050.324.868	17.584.678.900		26.747.264.200	
Phải thu khách hàng	20.447.850.120	89.468.238	16.511.656.555	538.084.333	20.358.381.882		15.973.572.222	
Trả trước cho người bán	2.606.972.000	-	30.800.000	-	2.606.972.000		30.800.000	
Phải thu khác	12.519.031	-	522.782.808	-	12.519.031		522.782.808	
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.311.902.379	-	19.486.550.086	-	13.311.902.379		19.486.550.086	
Cộng	58.485.946.215	4.611.492.023	68.349.378.517	5.588.409.201	53.874.454.192		62.760.969.316	

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ	-	-	2.229.000.000	-	-		2.229.000.000	
Phải trả người bán	131.193.985	-	502.740.091	-	131.193.985		502.740.091	
Người mua trả tiền trước	187.500.000	-	240.750.000	-	187.500.000		240.750.000	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.425.094	-	4.995.791	-	25.425.094		4.995.791	
Chi phí phải trả	215.120.439	-	462.538.101	-	215.120.439		462.538.101	
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	10.176.580.814	-	18.572.646.780	-	10.176.580.814		18.572.646.780	
Cộng	10.735.820.332	-	22.012.670.763	-	10.735.820.332		22.012.670.763	

(Thuyết minh báo cáo tài chính là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

23. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn;
- Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường;
- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán chưa niêm yết nhưng có giao dịch thường xuyên thì giá trị hợp lý được xác định là giá bình quân cung cấp bởi ba công ty chứng khoán độc lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Đối với các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao, giá trị hợp lý cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty khiến cho Công ty phải chịu rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro thay đổi về giá cả thị trường như lãi suất, tỷ giá hối đoái, giá thị trường sẽ ảnh hưởng đến thu nhập của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ.

i. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính của Công ty bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Việc kinh doanh của Công ty không chịu rủi ro tiền tệ do các nghiệp vụ phát sinh đều bằng đồng Việt Nam.

ii. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro giá trị hợp lý hoặc dòng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ biến động do sự thay đổi của lãi suất thị trường. Công ty phải chịu rủi ro lãi suất trên các khoản tiền gửi ngân hàng và các khoản vay của Công ty.

Tiền gửi ngân hàng của Công ty chủ yếu bằng đồng Việt Nam. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty là không đáng kể vì hầu hết các khoản tiền gửi ngân hàng của Công ty đều là tài khoản thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

a. Rủi ro thị trường (tiếp theo)

iii. Rủi ro về giá

Rủi ro về giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thường xuyên theo dõi diễn biến của thị trường chứng khoán.

b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm cả tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Rủi ro tín dụng đối với từng khách hàng của Công ty được hạn chế bằng cách áp dụng hạn mức do Ban Giám đốc Công ty phê duyệt. Các khoản phải thu khách hàng thường xuyên được theo dõi. Các phân tích về khả năng lập dự phòng được thực hiện tại ngày lập báo cáo trên cơ sở từng khách hàng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không bị tập trung vào một khách hàng nhất định. Ngoài ra, Công ty quản lý tài sản của khách hàng nên cũng hạn chế rủi ro tín dụng.

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

c. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**c. Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)**

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động các luồng tiền. Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

<i>Công nợ tài chính</i>	<i>Dưới 1 năm</i>	<i>Từ 1 đến 5 năm</i>	<i>Trên 5 năm</i>	<i>Cộng</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Cuối năm				
Phải trả người bán	131.193.985	-	-	131.193.985
Người mua trả tiền trước	187.500.000	-	-	187.500.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	25.425.094	-	-	25.425.094
Chi phí phải trả	215.120.439	-	-	215.120.439
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.176.580.814	-	-	10.176.580.814
Đầu năm				
Vay và nợ	2.229.000.000	-	-	2.229.000.000
Phải trả người bán	502.740.091	-	-	502.740.091
Người mua trả tiền trước	240.750.000	-	-	240.750.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	4.995.791	-	-	4.995.791
Chi phí phải trả	462.538.101	-	-	462.538.101
Các khoản phải trả, phải nộp khác	18.572.646.780	-	-	18.572.646.780

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

24. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

d. Tài sản tài chính quá hạn, giảm giá

Các tài sản tài chính của Công ty không quá hạn cũng không bị giảm giá: Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có uy tín theo đánh giá của Công ty.

Công ty có nhóm tài sản tài chính quá hạn, giảm giá tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán như sau:

<i>Tài sản tài chính</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Trong đó</i>	
		<i>Quá hạn</i>	<i>Giảm giá</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Các khoản đầu tư	6.537.932.685	2.266.895.000	6.040.467.685
Phải thu khách hàng	147.436.476	147.436.476	89.468.238
Phải thu khác	12.519.031	12.519.031	-

25. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lương và các quyền lợi gộp khác của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	1.398.204.843	1.207.201.009

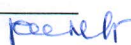
26. SỐ LIỆU SO SÁNH

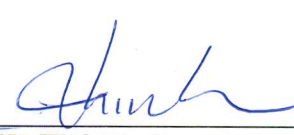
Số liệu so sánh là số liệu trên các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN).

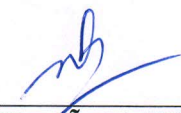
27. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.




Nguyễn Quốc Hùng
Tổng Giám đốc
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2015


Vũ Thúy Anh
Kế toán trưởng


Nguyễn Hoài Vân
Người lập biểu